

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2021/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 09 tháng 7 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM  
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;*

*Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI; Báo cáo số 188/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân, ý kiến thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này phê duyệt mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Nghị quyết này áp dụng đối với nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập, trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập, trường mầm non, lớp mầm non độc lập công lập (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non*); trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học công lập (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông*).

b) Người học trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Điểm a Khoản này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập có Đề án sử dụng tài sản công để cho thuê, liên doanh, liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện mức thu theo đề án được duyệt.

### **Điều 2. Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí**

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu tối đa (*chi tiết tại phụ lục I kèm theo*).

Căn cứ nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông xây dựng dự toán thu - chi, thông qua Hội đồng trường (*đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông có Hội đồng trường*), thỏa thuận với cha mẹ học sinh về mức thu đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

2. Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định mức thu theo thỏa thuận (*Chi tiết tại phụ lục II kèm theo*).

Căn cứ nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh, các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông xây dựng dự toán thu-chi, thông qua Hội đồng trường (*đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông có Hội đồng trường*), xin ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý có thẩm quyền theo phân cấp để thỏa thuận với cha mẹ học sinh về mức thu cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 02 tháng 07 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 7 năm 2021./.

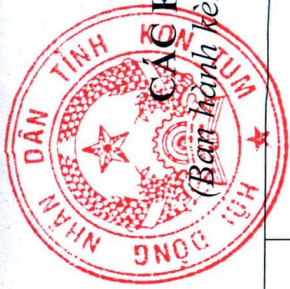
Nơi nhận: *ĐML*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Dương Văn Trang**



**PHỤ LỤC I**  
**CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC QUY ĐỊNH MỨC THU TỐI ĐA**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| TT | Nội dung  | Đơn vị tính         | Mức thu tối đa |                   |                          |                              |                | Ghi chú   |
|----|---|---------------------|----------------|-------------------|--------------------------|------------------------------|----------------|---|
|    |   |                     | Trẻ Mầm non    | Học sinh Tiểu học | Học sinh Trung học cơ sở | Học sinh Trung học phổ thông | Đối tượng khác |   |
| 1  | Thu dịch vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn, nước uống)  | Đồng/học sinh/tháng | 575.000        | 300.000           | 250.000                  | 250.000                      | Không          | Các cơ sở có điều kiện tổ chức bán trú thu tiền từ cha mẹ học sinh                    |
| 2  | Thu dịch vụ trông giữ trẻ ngoài giờ   | Đồng/trẻ /giờ       | 10.000         | Không             | Không                    | Không                        | Không          | Các cơ sở có điều kiện tổ chức trông giữ trẻ ngoài giờ thu tiền từ cha mẹ của trẻ     |
| 3  | Thu dịch vụ trông giữ trẻ các ngày nghỉ (không bao gồm tiền ăn, nước uống)  | Đồng/trẻ /ngày      | 50.000         | Không             | Không                    | Không                        | Không          | Các cơ sở có điều kiện tổ chức trông giữ trẻ các ngày nghỉ thu tiền từ cha mẹ của trẻ |
| 4  | Thu dịch vụ phục vụ ăn sáng trẻ mầm non (không bao gồm tiền ăn, nước uống)  | Đồng/trẻ /bữa ăn    | 5.000          | Không             | Không                    | Không                        | Không          | Các cơ sở có điều kiện tổ chức ăn sáng thu tiền từ cha mẹ của trẻ                     |
| 5  | Thu dịch vụ dạy Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2 (môn tự chọn)   | Đồng/học sinh/tiết  | Không          | 7.500             | Không                    | Không                        | Không          |   |
| 6  | Thu dịch vụ dạy học tăng cường đối với các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông; dạy học bồi dưỡng; dạy học ôn thi | Đồng/học sinh/tiết  | Không          | 7.500             | 7.500                    | 7.500                        | 7.500          |   |
| 7  | Thu dịch vụ hồ bơi ngoài giờ chính khóa   | Đồng/người /giờ     | Không          | 10.000            | 15.000                   | 20.000                       | 30.000         | Đơn vị tự khai thác, không cho thuê, liên doanh, liên kết                             |
| 8  | Thu dịch vụ sân bóng đá ngoài giờ chính khóa  | Đồng/giờ            | Không          | 60.000            | 90.000                   | 120.000                      | 150.000        | Đơn vị tự khai thác, không cho thuê, liên doanh, liên kết                             |

| TT | Nội dung  | Đơn vị tính                        | Mức thu tối đa |   |   |   |   | Ghi chú |   |
|----|---|------------------------------------|----------------|---|---|---|---|---------|---|
|    |   |                                    | Trẻ Mầm non    | Học sinh Tiểu học   | Học sinh Trung học cơ sở  | Học sinh Trung học phổ thông  | Đối tượng khác  |         |   |
| 9  | Thu dịch vụ cho thuê phòng ở, ký túc xá             | Đồng/phòng /ngày                   | Không          | 30.000  | 30.000  | 30.000  | 30.000  | Không   | Đơn vị tự khai thác, không cho thuê, liên doanh, liên kết |
| 10 | Thu dịch vụ học nghề phổ thông học sinh THCS        | Đồng/học sinh/tiết                 | Không          | Không   | 7.000   | Không   | Không   | Không   |   |
| 11 | Thu dịch vụ văn phòng phẩm phục vụ kiểm tra định kỳ | Đồng/học sinh/năm học              | Không          | Lớp 1, lớp 2: 6.000đ;<br>Lớp 3: 12.000đ;<br>Lớp 4, lớp 5: 40.000đ   | 100.000   | 100.000   | 100.000   | Không   |   |
| 12 | Thu dịch vụ thi nghề phổ thông                      | Đồng/học sinh/đợt                  | Không          | Không   | 100.000   | 100.000   | 100.000   | Không   |   |
| 13 | Thu dịch vụ dọn khu vực vệ sinh dành cho học sinh.  | Đồng/học sinh/tháng                | 14.000         | 14.000  | 14.000  | 14.000  | 14.000  | Không   |   |
| 14 | Thu dịch vụ trông giữ xe                            | Đồng/lượt hoặc Đồng/học sinh/tháng | Không          | (Học sinh lớp 4, lớp 5) Xe đạp: 500 đồng /lượt hoặc 8.000 đồng /tháng<br>Xe đạp điện: 500 đồng /lượt hoặc 8.000 đồng /tháng | Xe đạp, xe đạp điện: 500 đồng /lượt hoặc 8.000 đồng /tháng; Xe máy điện: 1.000 đồng /lượt hoặc 16.000 đồng /tháng | Xe đạp, xe đạp điện: 500 đồng /lượt hoặc 8.000 đồng /tháng; Xe máy, xe máy điện: 1.000 đồng /lượt hoặc 16.000 đồng /tháng | Xe đạp, xe đạp điện: 500 đồng /lượt hoặc 8.000 đồng /tháng; Xe máy, xe máy điện: 1.000 đồng /lượt hoặc 16.000 đồng /tháng | Không   |   |



**PHỤ LỤC II**  
**CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC QUY**  
**ĐỊNH MỨC THU THEO THỎA THUẬN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

1. Tiền ăn của học sinh bán trú.
2. Dịch vụ đưa đón trẻ.
3. Nước uống của học sinh.
4. Tổ chức các lớp năng khiếu, nghệ thuật cho trẻ mầm non.
5. Tham gia các Câu Lạc bộ do nhà trường tổ chức *(các môn học và hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục phổ thông, bóng đá, bơi lội, võ thuật, mỹ thuật, âm nhạc...)*, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hướng nghiệp đối với trẻ mầm non, học sinh phổ thông *(ngoài giờ học chính khóa)*.
6. Dạy tăng cường ngoại ngữ, dạy song ngữ cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 12; tổ chức dạy học cho trẻ làm quen với ngoại ngữ ở trẻ mầm non và học sinh lớp 1, lớp 2./.